UBND TỈNH ĐỒNG NAI
TRƯỜNG CAO ĐẲNG Y TẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Đồng Nai, ngày 25 tháng 6 năm 2024

BẢNG ĐIỂM TỔNG HỢP ĐỂ XÉT TỐT NGHIỆP ĐỢT THÁNG 6/2024

Lớp CĐD12R (Niên khóa 2021-2024) - Ngành Dược - Hệ Cao đẳng Chính quy

TT	Mã SV	Họ và Tên	Giáo dục chính trị	Pháp luật	Tin học	Hóa hữu cơ	Khoa học cơ bản	Hóa sinh	Giáo dục thể chất	Anh văn 1	Xác suất thống kê y học	Giải phẫu – Sinh lý	Vi sinh – Ký sinh trùng	Hóa phân tích	Anh Văn 2	Y đức - Tổ chức y tế	Hóa dược	Tổ chức quản lý dược - Pháp chế Dược	Thực vật - Viết đọc tên thuốc	Giao tiếp - GDSK trong thực hành chuyên ngành	Giáo dục Quốc phòng - An ninh	Bệnh học cơ sở	Bào Chế 1	Dược lý 1	Dược liệu	Quản lý tồn trữ thuốc	Bào chế 2	Dược lý 2	Dược động học - Dược lâm sàng	Kiểm nghiệm	Kinh tế dược- Quản trị kinh doanh và marketing dược (*)	Thực hành NCKH	Thực tế tốt nghiệp	Kỹ năng phân phối và bán lẻ thuốc (*)	Điểm TBC tích lũy	Số TC tích lũy	Số TC chưa tích lũy
		Số tín chỉ	5	2	3	2	4	1	2	3	2	3	2	3	2	2	4	2	3	2	4	4	3	4	4	2	2	3	4	3	3	1	9	2			
		Thứ tự học phần	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32			
1	21212352	Phạm Thị Vân Anh	8.4	7.6	8.9	6.7	6.6	7.5	7.3	9.3	8.9	7.8	6	7	9.3	7.2	7.2	7.2	8.3	8	7.8	7.1	8.4	7.4	7.6	8	8.3	6.5	6.8	8.5	7.4	8.1	8.2	7.2	3.2	89	0
2	21212156	Trần Thụy Trâm Anh	8.6	7.2	9.4	8.3	8.7	8.3	6.1	9.5	9.3	8.2	6.2	8.3	9.2	8.1	7.7	8.5	7.8	9	7.9	6.9	8.3	9.6	8.2	9.1	9	9	7.9	8.5	8.2	8.1	8.9	6.9	3.58	89	0
3	21212199	Nguyễn Thị Ngọc Bích	8.5	9.3	9.4	8.8	8	7	5.9	8.3	8.9	7.7	6.2	7.4	8.9	8	7.1	6.7	7.3	7.7	6.6	6.1	8.3	7.7	7.4	8.7	8.2	7.6	7.7	8.1	7.8	7.6	8.8	6.9	3.31	89	0
4	21212161	Phạm Đức Dương	8.4	7.6	8	8.2	6.2	6.7	5.3	8.9	8.9	6.3	6.2	7.5	8.8	8.3	6.6	6.2	6.8	8.9	7.3	6.3	6.9	7.8	6.6	7.8	7.7	6.7	6.7	7	6.8	8.1	8.5	6.8	2.96	89	0
5	21212168	Nguyễn Thành Đạt	8.1	8.8	9.1	7	5.7	6.3	7.6	7.1	7.4	6.4	5.4	4.9	6.9	5.2	5.6	5.7	6.3	5.9	6.8	6.7	6.6	5.9	6.8	6.1	6.3	4	5.4	5.3	4.8	8.1	7.4	5.6	2.3	89	0
6	21212145	Nguyễn Phạm Thảo Hân	8.5	9.3	9.1	8.4	7.2	7.5	5.7	9.1	9.2	7.4	6.2	7.9	8.7	8	7.2	7.2	7.1	8	6.5	7	8.3	8.5	8.2	8.9	8	7.3	7.8	8.1	6.8	8.1	8.5	6.1	3.4	89	0
7	21212153	Nguyễn Vũ Gia Hân	8.9	8.1	9.4	6.4	5.9	5.7	5.5	8.3	9.2	6.6	6.7	6.4	7.3	8.3	6.7	7	7.2	7.4	8.3	7.4	7.7	7.6	6.4	7.5	7.5	6.2	6.4	6.4	6.2	7.3	8.5	6	2.88	89	0
8	21212297	Đỗ Thị Ngọc Lễ	8.9	9.9	9.3	8.9	8.6	8.8	7	9.4	9.5	8.4	7.4	9	8.9	8.3	8.1	8.6	8.6	9.3	7.2	7.4	8.9	9.6	9.2	9.7	9	9.6	8.5	8.8	9	8.1	8.8	8.5	3.88	89	0
9	21211088	Nguyễn Trúc Linh	8.3	9.3	5.6	8.2	5.9	5.6	6.1	7.2	4.4	4.1	6.9	5.1	7	8	5.5	5.4	6.6	6.1	7	5.5	6.2	5.5	5.1	5.9	7.3	4.8	5.7	7.5	6.2	7.6	7.7	6.6	2.32	89	0
10	21212298	Vũ Thị Luyến	8.9	9	9.4	8.6	7.7	8.7	7.9	9.3	9.3	8.7	6	8.8	9	8.3	7.7	8.7	8.8	9.3	7.7	7.6	8.9	9.5	9.4	9.7	9	9.2	8.1	8.5	9.1	8.5	9	8.5	3.79	89	0
11	21212158	Nguyễn Phương Thảo My	8.5	8.1	9.2	8.1	8.4	8.1	6.1	9.1	9.3	8.1	5.7	7	8.6	8.1	7.1	7.6	7.3	8	6.9	7.1	8.3	8.4	7.5	9.2	8.6	7.7	7.5	7.2	6.4	7.3	9.1	6.3	3.37	89	0
12	21212157	Nguyễn Hồng Ngọc	8.5	8.7	8.8	6.9	7.9	7.4	5.5	8.3	9.3	7.2	5.6	6.6	6.6	7.5	6.8	6.3	6.7	7.6	7.8	6.3	6.9	6.4	5.7	7.5	7.7	6.1	6.9	7.4	7.3	7.3	7.9	6.4	2.8	89	0
13	21212225	Phạm Thanh Nguyên	8.2	9.3	9.3	6.9	7.9	7.5	6.9	8.4	8.9	7.2	6	6.6	7.8	8.1	7.3	6.5	7.5	7.7	6.8	6.9	7.8	8.3	8.4	8.4	8.2	6.6	7.4	8	7.3	7.6	8.2	6.2	3.15	89	0
14	21212272	Tô Quốc Nhật	8.1	9	9.5	5.1	5.1	5.3	6.9	9.4	5.9	5.7	5.8	5.1	9.1	7.7	6.9	7.7	7.1	7.7	6.8	6.6	7.3	5.7	5.9	8.3	8	4	6	7.1	7.2	7.3	8.1	5.7	2.7	89	0
15	21212089	Võ Thị Quỳnh Như	8.5	8.9	9.4	7.2	8	7.3	5.7	6.9	8.6	8.2	6.6	7.8	8.9	7.7	6.3	6.7	7.6	7.6	7.4	6.7	7.7	7.5	7.6	7.3	7.8	6.5	7.2	7.8	7.5	7.3	7.8	6.6	3.06	89	0
16	21212159	Phạm Trương Thúy Quỳnh	8.4	9.7	8.9	6.4	6.8	6.3	5.8	6.9	8.3	6.4	5.3	7.1	8.3	8.1	6.4	6.3	6.8	7.6	7.4	5.9	7.4	7.7	6	6.6	7.7	6.3	7	6.6	6.7	7.6	7.7	6	2.7	89	0
17	21212132	Lê Thị Thanh Tâm	8.4	8.1	9.2	7.5	5.2	6.3	6.4	7	7.4	5.9	4.6	5.1	7.6	7.7	5.6	6	6.4	7.6	7.2	6.5	6.4	4.3	5.8	5.8	7.1	5.7	7	6.9	7	7.6	7.9	6	2.48	89	0
18	21212202	Trần Tuyết Tâm	9	9.3	8.1	8.4	8.2	7.5	6.7	8.6	8.7	6.8	5.6	7.9	9	8.6	7.4	6.7	7.5	8.3	6.8	6.4	8.5	8.3	8.5	8.5	8.7	8.7	8.1	7.4	8	7.6	8.9	6.5	3.46	89	0
19	21212175	Nguyễn Trọng Thi	8.4	8.7	9.5	6	6	7.6	7.3	8.8	8.9	6.9	5.7	6.2	8.3	8.1	5.7	6	6.3	5.6	7.4	6	7.3	6.1	6.2	6.9	7	4.9	5.3	6.8	4.9	8.5	7.5	6	2.52	89	0
20	21212189	Nguyễn Hoài Thương	8.8	9.7	9.4	7.7	7.4	6.4	7.3	8.7	9.1	7.9	5.3	6.5	8.7	8.3	6.8	6.7	7	6.8	8.1	7.2	7.4	7	6.7	7.6	8	6	6.6	7.8	7.3	8.5	7.9	7.4	3.04	89	0
21	21212165	Phí Thị Thủy Tiên	8.8	10	9.5	8.8	9.2	9.2	7.6	9.6	9.6	8.8	7.2	8.1	8.9	8.9	8.2	8.4	8.8	8.8	8.1	7.7	9	9.4	8.1	9.7	9.2	9.3	8.6	8.7	8.5	8.5	8.8	8	3.85	89	0
22	21212253	Đinh Thị Huyền Trang	8.6	8.4	7	5.3	5.4	4.1	5.4	6.8	5.1	6.5	4.1	6.1	6.8	7.2	5.7	6.6	6.9	6.2	6.8	6.7	7.6	7.8	6.9	7.1	7.9	6	7.5	7	6.3	7.3	7.7	6.3	2.56	89	0
23	21212258	Nguyễn Trần Mai Trâm	8.4	9.4	7	6.1	6.5	5	6.3	7.4	8.7	6.8	5.4	7.8	7.9	8.1	6.8	6	6.1	7.7	8.3	5.6	7.9	5.9	6.4	7.9	7.6	6.9	7.5	6.9	6.2	8.1	7	5.4	2.66	89	0
24	21212130	Nguyễn Lê Minh Tuấn	8.1	7.3	9.4	8.2	6.6	6.3	5.9	8.7	9.2	6.3	5.2	6.4	8.2	8	6.3	6.2	6.4	7	6.8	5.8	7.4	6.5	7.5	6.4	7.1	5.5	6.7	6.3	5.6	8.5	7.9	5.9	2.69	89	0
25	21212184	Trịnh Thị Ngọc Tú	8.6	10	8.2	8.3	6.9	7.6	7.7	9	9.3	7	5.5	6.6	8.9	8.6	6.9	7.5	7.5	8.3	7.3	6	7	7.1	6.8	8.2	7.8	6.3	7.1	7.8	6.6	8.5	7.7	6	3.02	89	0
26	21212350	Lê Thị Hồng Vân	7.5	5.1	5.6	4.2		4.1	5	4.1	6.6	4.1	4.6	5.5	4.8	6.9	5	5.2	5.9	7.1	6.3	5.7	5.8	5.2	5.5	6.3	6.2	5	5.6	4.6	5.7	8.5	6.9	6.5	1.92	85	4
27	21212164	Nguyễn Văn Vinh	9.1	9.1	9.4	8.1	7.1	5.9	6.7	9.2	8.7	6.7	6.8	7.3	8.8	8.4	6.5	7.4	7.1	6.7	6.9	6.3	5.9	5.9	5.6	5.3	6.3	4.3	5.5	6.7	6.5	7.6	6.9	7.1	2.7	89	0
28	21212109	Võ Thị Như Ý	8.6	9.3	9.1	7.5	7.9	7.2	6.2	7	7.4	8	6.5	7.1	8.5	7.7	6.6	6.2	6.9	7.3	6.6	6.3	7.8	7.8	7.8	7.4	7.8	7.5	7.3	7.9	7.2	7.3	8.2	6.9	3.07	89	0

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG CAO ĐẲNG Y TẾ ĐỒNG NAI

TS. Nguyễn Hồng Quang